

## BẢNG TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM CỦA CUỐN TẮM LIỀN

**Dùng cho cửa: CB, AP, TM, EC, ECN**

Mã: TC-01/CC.TL

*Lần ban hành: 17*

Áp dụng từ: 02/12/2024

|          |                                             |                                                                                                                                                 |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
|----------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| I        | Thân cửa, quy cách                          |                                                                                                                                                 |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 1        | Mặt thân cửa,<br>Lỗ thoáng nếu có, Headroom | <div>Lỗ thoáng nếu có</div>                                                                                                                     |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| Loại cửa |                                             | Series 1 (CB)                                                                                                                                   | Series 2 (AP)<br>(sản xuất tại Hưng Yên) | Series 3 (TM)                                                                                                                            | Series 4 (EC)                    | Series 5 (ECN)                   |
| 2        | Vật liệu thân cửa                           | Thép BlueScope<br>(COLORBOND)                                                                                                                   | Thép BlueScope<br>(APEX / MCPPP)         | Thép BlueScope<br>(MCPPP)                                                                                                                | Thép mạ màu liên doanh           | Thép mạ màu liên doanh           |
| 3        | Độ dày sau sơn (APT), độ mạ                 | 0.53mm ± 5%, AZ150g/m <sup>2</sup>                                                                                                              | 0.51mm ± 5%, AZ95g/m <sup>2</sup>        | 0.50mm ± 5%, AZ80g/m <sup>2</sup>                                                                                                        | 0.45mm ± 5%, Z60g/m <sup>2</sup> | 0.35mm ± 5%, Z60g/m <sup>2</sup> |
| 4        | Bề mặt sơn                                  | Sơn bóng, có phủ Polyeste bảo vệ chống bay màu                                                                                                  |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 5        | Màu sắc                                     | #1, #2, #5, #6                                                                                                                                  | #2, #5, #6                               | #1, #6<br>#2, #5 (sản xuất tại Nhon Trạch)                                                                                               | #2, #4                           | #2, #4                           |
| 6        | Lỗ thoáng                                   | Hình Ovan trên thân cửa nếu có (tiêu chuẩn đục xuống 3 hàng lỗ thoáng)                                                                          |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 7        | Chiều cao lỗ thoáng (từ cos 0)              | Hàng lỗ thoáng cao nhất dưới thông thủy 100mm hoặc thấp hơn                                                                                     |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 8        | Vị trí lỗ cuốn                              | Trong / Ngoài                                                                                                                                   |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 9        | Thép lỗ cuốn                                | Sử dụng thép tấm liền                                                                                                                           |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 10       | Kích thước tấm thân cửa                     | 750mm (sau cán)                                                                                                                                 |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 11       | Dây polyglide                               | Nhựa PVC bọc vải dù                                                                                                                             |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 12       | Thanh đáy nhôm anode                        | TD456 (thanh đáy L)                                                                                                                             | TD457 (thanh đáy V)                      | TD457 (thanh đáy V)                                                                                                                      | TD457 (thanh đáy V)              | TD457 (thanh đáy V)              |
| 13       | Gioăng đáy                                  | Nhựa PVC                                                                                                                                        | Nhựa PVC                                 | Nhựa PVC                                                                                                                                 | Nhựa PVC                         | Nhựa PVC                         |
| 14       | Cao x Rộng phủ bì tối đa                    | S30m2 = H5.0m x W6.0m                                                                                                                           | S27.5m2 = H5.0m x W5.5m                  | S27.5m2 = H5.0m x W5.5m                                                                                                                  | S22.5m2 = H4.5m x W5.0m          | S20.25m2 = H4.5m x W4.5m         |
| 15       | Cao x Rộng phủ bì tối thiểu                 | S6.25m2 = H2.5m x W2.5m                                                                                                                         | S6.25m2 = H2.5m x W2.5m                  | S6.25m2 = H2.5m x W2.5m                                                                                                                  | S6.25m2 = H2.5m x W2.5m          | S6.25m2 = H2.5m x W2.5m          |
| 16       | Trục mạ kẽm                                 | Ø33.5x2.3mm                                                                                                                                     | Ø33.5x2.3mm                              | Ø33.5x2.3mm (Wpb≥3.6m)<br>Ø33.5x2.0mm (Wpb<3.6m)                                                                                         | Ø33.5x2.0mm                      | Ø33.5x2.0mm                      |
| 17       | Dài trục                                    | Chiều dài trục tiêu chuẩn = Wpb + 370mm                                                                                                         |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 18       | Pully                                       | Kiểu G bằng nhựa PA                                                                                                                             |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 19       | Lò xo trợ lực                               | Kiểu Tóp đầu                                                                                                                                    | Kiểu Thăng đầu                           | Kiểu Thăng đầu                                                                                                                           | Kiểu Thăng đầu                   | Kiểu Thăng đầu                   |
| 20       | Gối đỡ cửa cơ                               | Gối đỡ gang                                                                                                                                     | Gối đỡ gang                              | Gối đỡ gang                                                                                                                              | Gối đỡ thép                      | Gối đỡ thép                      |
| 21       | Chiều cao hộp kỹ thuật                      | Min: 480mm, Max: 620mm                                                                                                                          |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 22       | Tay kéo cửa (cửa Hp>2.2m)                   | Bằng INOX                                                                                                                                       |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 23       | Tem cửa                                     | Tem AUSTROLL                                                                                                                                    |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 24       | In chữ điện tử                              | Theo quy định                                                                                                                                   |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 25       | Bao gói                                     | Bao kín bằng xốp tiêu chuẩn                                                                                                                     |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| II       | Lựa chọn bộ tời                             |                                                                                                                                                 |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 1        | Loại bộ tời                                 | ARG.P-1 dùng cho cửa có diện tích S ≤ 12m <sup>2</sup> ;<br>ARG.P-2 dùng cho cửa có diện tích S ≤ 30m <sup>2</sup> ;                            |                                          | ARG-1 (cam điện tử) dùng cho cửa có diện tích S ≤ 12m <sup>2</sup><br>ARG-2 (cam điện tử) dùng cho cửa có diện tích S ≤ 30m <sup>2</sup> |                                  |                                  |
| 2        | Hộp điều khiển                              | AD901 cho bộ tời ARG.P;                                                                                                                         |                                          | AD906 cho bộ tời ARG (cam điện tử)                                                                                                       |                                  |                                  |
| 3        | Tay điều khiển                              | DK1 nắp trượt cho HĐK AD901;                                                                                                                    |                                          | DK6 nắp trượt cho HĐK AD906                                                                                                              |                                  |                                  |
| 4        | Nút bấm âm tường                            | AT1 không dây cho bộ tời ARG.P;                                                                                                                 |                                          | AT8 cho bộ tời ARG (cam điện tử)                                                                                                         |                                  |                                  |
| 5        | Chiều cao lắp nút âm tường                  | 1300mm-1400mm                                                                                                                                   |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 6        | Dây rút ly hợp                              | Loại mềm kiểu tăng đơn cho bộ tời ARG.P / ARG (cam điện tử)                                                                                     |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 7        | Bộ gối đỡ điện                              | Gối đỡ điện                                                                                                                                     |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 8        | Đối trọng                                   | Thanh đối trọng cho cửa đồng bộ bộ tời                                                                                                          |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| III      | Ray, Giá đỡ                                 |                                                                                                                                                 |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 1        | Lựa chọn tiêu chuẩn                         |                                                                                                                                                 |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 1.1      | Ray nhôm U60NA                              | Nhôm Anode, kích thước mặt cắt 62.5x34.2mm, Wpb = Wtt + 120mm, cho cửa có Wpb ≤ 5m                                                              |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 1.2      | Giá đỡ                                      | V50T (đồng bộ cửa)                                                                                                                              |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 2        | Lựa chọn thêm                               |                                                                                                                                                 |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 2.1      | Ray nhôm U100NA                             | Nhôm Anode, kích thước mặt cắt 100x38.2mm, Wpb = Wtt + 200mm, cho cửa có Wpb ≤ 6.2m                                                             |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 2.2      | Ray nhôm U90NA                              | Nhôm Anode, kích thước mặt cắt 90x46.6mm, Wpb = Wtt + 120mm <sup>(1)</sup> , cho cửa có Wpb ≤ 5m                                                |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 2.3      | Ray nhôm trung tâm H172                     | Nhóm 6063T5 Sơn tĩnh điện màu #07 (ghi đậm), kích thước mặt cắt 172x35mm, 1 thanh lắp cho 2 cửa liền nhau, Wpb theo Bảng hướng dẫn (Mã: HD.RTT) |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| IV       | Phụ kiện lựa chọn thêm                      |                                                                                                                                                 |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 1        | Khóa ngang                                  | Khóa AUSTDOOR KH1/KH2/KH5 (cách thanh đáy 950mm)                                                                                                |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 2        | Chốt trong                                  | Chốt ngang bằng nhôm (cách thanh đáy 130mm)                                                                                                     |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 3        | Lưu điện (UPS)                              | AD9 / AD15 dùng cho bộ tời ARG.P / ARG (cam điện tử)                                                                                            |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 4        | Còi                                         | Còi C1 dùng cho HĐK AD901 / AD906                                                                                                               |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 5        | Mạch đèn báo sáng                           | MD dùng cho HĐK AD901 / AD906                                                                                                                   |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |
| 6        | Phụ kiện lắp ray trung tâm                  | Giá đỡ trung tâm; Miếng đón ray trung tâm; Khóa chốt nền ray trung tâm                                                                          |                                          |                                                                                                                                          |                                  |                                  |

**Ghi chú:**

- Hpb: Tính từ cos 0 đến đỉnh lò cuốn; Wpb tính từ gáy ray bên này sang gáy ray bên kia, ray U90NA tính theo công thức (1).
- Các thông số có thể thay đổi mà không cần phải báo trước. Thông số độ dày và trọng lượng của thân cửa là giá trị trung bình  $\pm 5\%$  sai số do công nghệ cán nguội.
- Khi khách hàng có yêu cầu đặt "Cửa ngoại tiêu chuẩn kích thước quy định" thì phải có xác nhận của phòng QLĐH thuộc Austdoor và phải chịu các chi phí phát sinh liên quan



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Dương Trạch Nguyên